



dì xià

地下

Noun, Adjective · underground

Example Sentences

gōng rén zhèng zài pū shè dì xià diàn lǎn
工 人 正 在 铺 设 地 下 电 缆。

Workers are laying underground cables.

méi kuàng gōng rén měi tiān zài dì xià gōng zuò
煤 矿 工 人 每 天 在 地 下 工 作。

Coal miners work underground every day.

gōng rén men zhèng zài wā jué dì xià guǎn dào
工 人 们 正 在 挖 掘 地 下 管 道。

Workers are excavating underground pipes.

Trace each character, then write the word on your own.

地 地 地 地 地 地 地 地 地

下 下 下 下 下 下